

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Số: 2525/TTr-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Đăk Nông, ngày 31 tháng 5 năm 2019*

## TỜ TRÌNH

**Về việc đề nghị thông qua dự thảo Nghị quyết bổ sung một số chính sách thuộc Chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh Đăk Nông giai đoạn 2016 - 2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đăk Nông**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Kế hoạch số 05/KH-HĐND ngày 25/3/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đăk Nông, về việc tổ chức Kỳ họp thứ 8 HĐND tỉnh Khóa III, nhiệm kỳ 2016-2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Đăk Nông trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết bổ sung một số chính sách thuộc Chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh Đăk Nông giai đoạn 2016-2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đăk Nông, cụ thể như sau:

### I. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2014/QH13 ngày 24/6/2014 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015;

Căn cứ Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đăk Nông, về Chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh Đăk Nông, giai đoạn 2016-2020.

### II. Sự cần thiết của Nghị quyết

Trong những năm qua, công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Đăk Nông đã nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể, thu hút sự tham gia của cả hệ thống chính trị và sự đồng thuận của nhân dân trong suốt quá trình triển khai thực hiện. Ngoài các

chính sách giảm nghèo chung của Trung ương, chính sách giảm nghèo đặc thù của tỉnh cũng đã được các cấp, các ngành, địa phương tổ chức thực hiện kịp thời, có hiệu quả và nhân dân đồng tình hưởng ứng. Ý thức, trách nhiệm của người dân trong thực hiện công tác giảm nghèo được nâng lên và người nghèo đã từng bước tiếp cận được các dịch vụ xã hội cơ bản, tỷ lệ hộ nghèo chung toàn tỉnh cơ bản đạt so với Nghị quyết đề ra. Tỷ lệ hộ nghèo bình quân chung toàn tỉnh cuối năm 2018 còn 13,51%, trong đó: tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số là 30,14% và tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ là 38,57%.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế như: Thực trạng tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số còn cao, giảm nghèo chưa bền vững, đặc biệt nguy cơ tái nghèo cao khi gặp rủi ro, biến cố mà không còn chính sách “nâng đỡ” hỗ trợ cho hộ thoát nghèo. Bản thân một bộ phận người nghèo vẫn tồn tại tư tưởng ỷ lại, an phận, thiếu phương án làm ăn cụ thể, thiếu quyết tâm vươn lên thoát nghèo, tư tưởng trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước, tâm lý ngần ngại việc đăng ký thoát nghèo vì cho rằng hết nghèo là hết chính sách hỗ trợ. Bên cạnh đó, trong thời gian qua, việc triển khai chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 (Chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg giai đoạn 2) gặp khó khăn, thực hiện chưa bảo đảm kế hoạch đề ra, do mức vay và hỗ trợ thấp không đủ xây dựng nhà ở (hộ nghèo vay vốn 25 triệu đồng/hộ; ngân sách tỉnh hỗ trợ cho hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn là 10 triệu đồng/hộ; ngân sách tỉnh hỗ trợ cho hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số là 05 triệu đồng/hộ).

Do đó, định hướng cho những năm tiếp theo trong công tác giảm nghèo của tỉnh là tiếp tục tạo chuyển biến tích cực về nhận thức, hành động về giảm nghèo bền vững; động viên và có chính sách hỗ trợ kịp thời hộ mới thoát nghèo để khắc phục tâm lý hụt hẫng khi thoát ra khỏi hộ nghèo mà không còn chính sách hỗ trợ, hạn chế tái nghèo và tạo độ bền chính sách (hiện nay các chính sách của Trung ương và địa phương chủ yếu là hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo mà chưa chính sách hỗ trợ hộ thoát nghèo); nêu gương điển hình và phong trào thoát nghèo, bảo đảm giảm nghèo bền vững và tạo điều kiện cải thiện chỉ số thiểu hụt về dịch vụ nhà ở cho hộ nghèo, bảo đảm an sinh xã hội, góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững theo hướng tiếp cận đa chiều để phấn đấu đến năm 2020 tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh còn dưới 7%, “đưa Đăk Nông thoát ra khỏi tình trạng của một tỉnh nghèo, chưa phát triển” theo chỉ đạo của Tỉnh ủy.

Với ý nghĩa và tầm quan trọng trên, đồng thời để tạo sự chuyển biến mới trong công tác giảm nghèo thời gian tới, việc thiết kế, kịp thời xây dựng, bô

sung các chính sách giảm nghèo đặc thù tại Chương trình kèm theo Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đăk Nông để hỗ trợ người nghèo, hộ mới thoát nghèo theo hướng phát huy nội lực của người dân, phấn đấu vươn lên thoát nghèo bền vững là phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nhằm góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XI, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.

### **III. Quan điểm xây dựng Nghị quyết**

**1. Bảo đảm thực hiện giảm nghèo bền vững, hạn chế thấp nhất tình trạng tái nghèo và phát sinh nghèo mới bằng việc tiếp tục tạo điều kiện cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, đặc biệt là nhóm hộ nghèo đăng ký thoát nghèo hàng năm vươn lên phát triển kinh tế, có việc làm ổn định và tăng thu nhập, bảo đảm an sinh xã hội.**

**2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền và trong các tầng lớp nhân dân về tiêu chí tiếp cận nghèo đa chiều, mục tiêu giảm nghèo bền vững, góp phần tạo được sự đồng thuận và phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự đồng tâm, hiệp lực của toàn xã hội trong triển khai thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh; khơi dậy ý chí chủ động, vươn lên của người nghèo, hộ mới thoát nghèo tiếp tục được tiếp cận và sử dụng có hiệu quả chính sách và nguồn lực hỗ trợ của nhà nước, của cộng đồng để thoát nghèo, vươn lên khá giả; tiếp tục phát động phong trào thi đua “Đăk Nông chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”.**

### **IV. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết**

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nghiên cứu các văn bản pháp lý có liên quan và tổ chức xây dựng Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết gửi Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến.

Sau khi có ý kiến đồng ý xây dựng Nghị quyết của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức xây dựng dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết theo đúng quy định. Dự thảo Nghị quyết được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội gửi đến các cơ quan, đơn vị, địa phương xin ý kiến, đồng thời đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh và thực hiện tiếp thu, chỉnh sửa gửi Sở Tư pháp thẩm định; tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, chỉnh sửa, hoàn thiện và trình UBND tỉnh xem xét, thông qua.

Ngày 23/5/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức họp xem xét, thảo luận tập thể và biểu quyết thông qua việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết bổ sung một số chính sách thuộc Chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh Đăk Nông giai đoạn 2016-2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đăk Nông.

## V. Nội dung Nghị quyết

Nghị quyết bao gồm 2 Điều, trong đó:

**Điều 1.** Bổ sung một số chính sách thuộc Chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh Đăk Nông giai đoạn 2016-2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đăk Nông như sau:

### 1. Các dự án, chính sách giảm nghèo chung

a) Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo (Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 1: Chương trình 30a).

- Mục tiêu, đối tượng, nội dung hỗ trợ: Theo quy định tại điểm a, khoản 6, Điều 1 của Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 2/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- Địa bàn áp dụng: 02 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao: huyện Tuy Đức và huyện Đăk Glong.

- Vốn và nguồn vốn: Tổng nhu cầu vốn thực hiện từ năm 2018-2020 là 40.702 triệu đồng, bình quân mỗi năm 13.567 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 36.139 triệu đồng (vốn sự nghiệp);

+ Ngân sách địa phương: 3.613 triệu đồng (vốn sự nghiệp);

+ Vốn huy động hợp pháp khác: 950 triệu đồng.

b) Chính sách hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài (Tiểu dự án 4 thuộc Dự án 1 - Chương trình 30a).

- Mục tiêu, đối tượng, nội dung hỗ trợ: Theo quy định tại điểm a, khoản 6, Điều 1 Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 2/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- Địa bàn áp dụng: 02 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao: huyện Tuy Đức và huyện Đăk Glong.

- Vốn và nguồn vốn: Tổng nhu cầu vốn thực hiện từ năm 2018-2020 là 2.600 triệu đồng, bình quân mỗi năm 867 triệu đồng trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 2.318 triệu đồng (vốn sự nghiệp);

+ Ngân sách địa phương: 232 triệu đồng (vốn sự nghiệp);

+ Vốn huy động hợp pháp khác: 50 triệu đồng.

### 2. Chính sách giảm nghèo đặc thù

a) Chính sách khuyến khích đối với hộ nghèo có khả năng thoát nghèo và có đăng ký cam kết thoát nghèo bền vững:

- Mục tiêu: Tiếp tục tạo chuyển biến tích cực về nhận thức, hành động về giảm nghèo bền vững; động viên, khuyến khích kịp thời hộ mới thoát nghèo,

nêu gương điển hình và phong trào thoát nghèo, bảo đảm giảm nghèo bền vững, nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu, chỉ tiêu giảm nghèo đề ra.

- Đối tượng: Hộ thoát nghèo vượt qua chuẩn cận nghèo theo Chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020 tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

- Điều kiện áp dụng: Là hộ nghèo thuộc chính sách giảm nghèo có đơn tự nguyện đăng ký tham gia và cam kết thoát nghèo bền vững, vượt qua chuẩn cận nghèo tối thiểu 2 năm (từ năm 2019 đến năm 2020) liên tiếp kể từ thời điểm được công nhận thoát nghèo; không áp dụng đối với các hộ nghèo không tự nguyện cam kết thoát nghèo. Riêng chính sách hỗ trợ Bảo hiểm y tế không áp dụng đối với các đối tượng là người có công với cách mạng; thân nhân lực lượng vũ trang; đối tượng bảo trợ xã hội; người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; người đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Nội dung chính sách khuyến khích:

+ Được hỗ trợ 100% mệnh giá mua thẻ bảo hiểm y tế theo loại hình bảo hiểm y tế tự nguyện.

+ Hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh là con của hộ thoát nghèo đang theo học ở các cấp phổ thông; học sinh trung học chuyên nghiệp, trung cấp nghề hệ chính quy; sinh viên đại học, cao đẳng hệ chính quy tập trung với mức 100.000 đồng/học sinh/tháng (cấp 9 tháng/năm học đối với học sinh con của hộ thoát nghèo đang theo học ở các cấp học phổ thông, cấp 10 tháng/năm học đối với học sinh trung học chuyên nghiệp, trung cấp nghề hệ chính quy; sinh viên đại học, cao đẳng hệ chính quy tập trung).

+ Hỗ trợ 100% lãi suất vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh tại Ngân hàng Chính sách xã hội đối với hộ mới thoát nghèo.

- Thời gian hỗ trợ: Các chính sách được thực hiện trong 02 năm liên tục sau khi hộ thoát nghèo.

- Nguồn ngân sách hỗ trợ: Ngân sách tỉnh bảo đảm 100% kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ cho hộ thoát nghèo.

b) Chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 trên địa bàn tỉnh Đăk Nông theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ:

- Đối tượng: Hộ nghèo có nhu cầu hỗ trợ kinh phí làm nhà ở mà chưa được hỗ trợ nhà ở từ các năm trước và có cam kết vay vốn làm nhà ở theo chính sách quy định tại Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1658/QĐ-UBND ngày 28/10/2015, về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015.

- Nội dung của chính sách: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100%.

+ Hộ nghèo có nhu cầu hỗ trợ kinh phí làm nhà ở mà chưa được hỗ trợ nhà ở từ các năm trước và có cam kết vay vốn làm nhà ở theo chính sách được quy định tại Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ thì được hỗ trợ 10.000.000 đồng/hộ.

+ Ngoài ra, ngân sách tỉnh hỗ trợ thêm:

Hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (chủ hộ là người già không có sức lao động, neo đơn, tàn tật): 10 triệu đồng/hộ.

Hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số: 05 triệu đồng/hộ.

Hộ gia đình đang cư trú tại các huyện nghèo theo quy định tại quyết định số 275/QĐ-TTg ngày 07/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ hoặc các hộ đang sinh sống tại các vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn: 02 triệu đồng/hộ.

(Trường hợp hộ gia đình vừa là hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, vừa là hộ đồng bào dân tộc thiểu số thì được hưởng 01 mức hỗ trợ cao nhất).

Những hộ nghèo đã được hưởng chính sách hỗ trợ kinh phí làm nhà ở tại Nghị quyết này thì không được thụ hưởng chính sách hỗ trợ tại Chương trình hỗ trợ nhà ở khác của tỉnh.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Trên đây là Tờ trình đề nghị thông qua Nghị quyết bổ sung một số chính sách thuộc Chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh Đăk Nông giai đoạn 2016 - 2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đăk Nông. Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua./..

### **Noi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (B/c);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã;
- Lưu: VT, KTTH, KGVX<sub>(vn)</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Bốn**

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc bổ sung một số chính sách thuộc Chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh Đăk Nông giai đoạn 2016 - 2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đăk Nông**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG  
KHÓA III, KỲ HỌP THỨ 8**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 76/2014/QH13 ngày 24 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020;*

*Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;*

*Căn cứ Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020;*

*Căn cứ Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 (Chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg giai đoạn 2);*

*Thực hiện Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;*

*Sau khi xem xét Tờ trình số.../TTr-UBND ngày.../.../2019 của UBND tỉnh, về việc đề nghị thông qua Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Chương trình kèm theo Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đăk Nông về ban hành Chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh Đăk Nông, giai đoạn 2016 - 2020; Báo cáo thẩm tra số.../BC-HĐND ngày.../.../2019 của Ban Dân tộc, Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Bổ sung một số chính sách thuộc Chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh Đăk Nông giai đoạn 2016 - 2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số

56/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đăk Nông như sau:

“1. Các dự án, chính sách giảm nghèo chung

a) Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo (Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 1: Chương trình 30a)

- Mục tiêu, đối tượng, nội dung hỗ trợ: (được quy định tại điểm a, khoản 6, Điều 1 của Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ).

- Địa bàn áp dụng: 02 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao: huyện Tuy Đức và huyện Đăk Glong.

- Vốn và nguồn vốn: Tổng nhu cầu vốn thực hiện từ năm 2018 - 2020 là 40.702 triệu đồng, bình quân mỗi năm 13.567 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 36.139 triệu đồng (vốn sự nghiệp);

+ Ngân sách địa phương: 3.613 triệu đồng (vốn sự nghiệp);

+ Vốn huy động hợp pháp khác: 950 triệu đồng.

b) Chính sách hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài (Tiểu dự án 4 thuộc Dự án 1 - Chương trình 30a).

- Mục tiêu, đối tượng, nội dung hỗ trợ: Theo quy định tại điểm a, khoản 6, Điều 1 của Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- Địa bàn áp dụng: 02 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao: huyện Tuy Đức và huyện Đăk Glong.

- Vốn và nguồn vốn: Tổng nhu cầu vốn thực hiện từ năm 2018 - 2020 là: 2.600 triệu đồng, bình quân mỗi năm 867 triệu đồng trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 2.318 triệu đồng (vốn sự nghiệp);

+ Ngân sách địa phương: 232 triệu đồng (vốn sự nghiệp);

+ Vốn huy động hợp pháp khác: 50 triệu đồng.”

2. Chính sách giảm nghèo đặc thù

a) Chính sách khuyến khích đối với hộ nghèo có khả năng thoát nghèo và có đăng ký cam kết thoát nghèo bền vững:

- Mục tiêu: Tiếp tục tạo chuyển biến tích cực về nhận thức, hành động về giảm nghèo bền vững; động viên khuyến khích kịp thời hộ mới thoát nghèo, nêu gương điển hình và phong trào thoát nghèo, đảm bảo giảm nghèo bền vững, nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu, chỉ tiêu giảm nghèo đề ra.

- Đối tượng: Hộ thoát nghèo vượt qua chuẩn cận nghèo theo Chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020 tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

- Điều kiện áp dụng: Là hộ nghèo thuộc chính sách giảm nghèo có đơn tự nguyện đăng ký tham gia và cam kết thoát nghèo bền vững, vượt qua chuẩn cận nghèo tối thiểu 2 năm (từ năm 2019 đến năm 2020) liên tiếp kể từ thời điểm được công nhận thoát nghèo; Không áp dụng đối với các hộ nghèo không tự nguyện cam kết thoát nghèo. Riêng chính sách hỗ trợ Bảo hiểm y tế không áp dụng đối với các đối tượng là người có công với cách mạng; thân nhân lực lượng vũ trang; đối tượng bảo trợ xã hội; người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; người đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Nội dung chính sách khuyến khích:

+ Được hỗ trợ 100% mệnh giá mua thẻ bảo hiểm y tế theo loại hình bảo hiểm y tế tự nguyện.

+ Hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh con của hộ thoát nghèo đang theo học ở các cấp phổ thông; Học sinh trung học chuyên nghiệp, trung cấp nghề hệ chính quy; sinh viên đại học, cao đẳng hệ chính quy tập trung với mức 100.000 đồng/học sinh/tháng (cấp 9 tháng/năm học đối với học sinh con của hộ thoát nghèo đang theo học ở các cấp học phổ thông, cấp 10 tháng/năm học đối với học sinh trung học chuyên nghiệp, trung cấp nghề hệ chính quy; sinh viên đại học, cao đẳng hệ chính quy tập trung).

+ Hỗ trợ 100% lãi suất vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh tại Ngân hàng Chính sách xã hội đối với hộ mới thoát nghèo.

- Thời gian hỗ trợ: Các chính sách được thực hiện trong 02 năm liên tục sau khi hộ thoát nghèo.

- Nguồn ngân sách hỗ trợ: Ngân sách tỉnh đảm bảo 100% kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ cho hộ thoát nghèo.

b) Chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 trên địa bàn tỉnh Đăk Nông theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ:

- Đối tượng: Hộ nghèo có nhu cầu hỗ trợ kinh phí làm nhà ở mà chưa được hỗ trợ nhà ở từ các năm trước và có cam kết vay vốn làm nhà ở theo chính sách quy định tại Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1658/QĐ-UBND ngày 28/10/2015, về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015.

- Nội dung của chính sách: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100%.

+ Hộ nghèo có nhu cầu hỗ trợ kinh phí làm nhà ở mà chưa được hỗ trợ nhà ở từ các năm trước và có cam kết vay vốn làm nhà ở theo chính sách được

quy định tại Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ thì được hỗ trợ 10.000.000 đồng/hộ.

+ Ngoài ra, ngân sách tỉnh hỗ trợ thêm:

Hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (chủ hộ là người già không có sức lao động, neo đơn, tàn tật): 10 triệu đồng/hộ.

Hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số: 05 triệu đồng/hộ.

Hộ gia đình đang cư trú tại các huyện nghèo theo quy định tại Quyết định số 275/QĐ-TTg ngày 07/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ hoặc các hộ đang sinh sống tại các vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn: 02 triệu đồng/hộ.

(Trường hợp, hộ gia đình vừa là hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, vừa là hộ đồng bào dân tộc thiểu số thì được hưởng 01 mức hỗ trợ cao nhất).

Những hộ nghèo đã được hưởng chính sách hỗ trợ kinh phí làm nhà ở tại Nghị quyết này thì không được thụ hưởng chính sách hỗ trợ tại Chương trình hỗ trợ nhà ở khác của tỉnh.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đăk Nông khóa III, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày... tháng... năm 2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng .... năm 2019./.

### **Noi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội;
- Ban Công tác đại biểu;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- Báo Đăk Nông, Đài PT&TH tỉnh, Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Trung tâm Lưu trữ lịch sử - Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, Phòng CT.HĐHD.

### **CHỦ TỊCH**

### **Lê Diễn**

**BIỂU TỔNG HỢP NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số chính sách thuộc Chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh Đăk Nông, giai đoạn 2016 – 2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đăk Nông**

STT	Các chính sách bổ sung Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND	Nguồn lực	Số lượng đối tượng (hộ)	Định mức hỗ trợ	Kinh phí bình quân mỗi năm (Triệu đồng)	Tổng kinh phí 2 năm (Triệu đồng)
I	Bổ sung nội dung điểm b, mục 1, Phần III về Chương trình 30a			<b>Tổng (1+2)</b>	<b>14.434</b>	<b>28.868</b>
		Ngân sách Trung ương			12.819	25.638
		Ngân sách địa phương			1.281	2.562
		Huy động, lồng ghép			334	668
				<b>Tổng</b>	<b>Theo quy định của Nghị quyết số</b>	<b>13.567</b>
1	Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, đà dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo	Ngân sách Trung ương			12.046	24.092
		Ngân sách địa phương			26/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh	1.204
		Huy động, lồng ghép			Hội đồng nhân dân	317
				<b>Tổng</b>	<b>nhân dân</b>	<b>634</b>
2	Chính sách hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài	Ngân sách Trung ương			773	1.546
		Ngân sách địa phương			77	154
		Huy động, lồng ghép			17	34



STT	Các chính sách bổ sung Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND	Nguồn lực	Số lượng đối tượng (hộ)	Định mức hỗ trợ	Kinh phí bình quân mỗi năm (Triệu đồng)	Tổng kinh phí 2 năm (Triệu đồng)
<b>II</b>	<b>Bổ sung mục 2, phần III, chính sách giảm nghèo đặc thù của tỉnh</b>	<b>Tổng (1+2)</b>	<b>5.066</b>		<b>11.192</b>	<b>7.266</b>
1	Chính sách khuyến khích đổi với hộ nghèo có khả năng thoát nghèo và có đăng ký cam kết thoát nghèo bền vững	Ngân sách địa phương				
1.1	Chính sách hỗ trợ 100% mệnh giá mua thẻ bảo hiểm y tế theo loại hình bảo hiểm y tế tự nguyện	Tổng	4.549		3.633	7.266
1.2	Chính sách hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh con của hộ mới thoát nghèo đang theo học ở các cấp phổ thông, học chính quy tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học	Ngân sách địa phương (tỉnh)	2616	802.000 đồng	2.098	4.196
1.2.1	Hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh con của hộ mới thoát nghèo đang theo học ở các cấp phổ thông	Ngân sách tỉnh cấp bù 100.000 đồng/tháng	1120	100.000 đồng/tháng	1.055	2.110
1.2.2	Hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh con của hộ mới thoát nghèo đang theo học chính quy tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học	Ngân sách tỉnh cấp bù 100.000 đồng/tháng	650	100.000 đồng/tháng * 9 tháng/năm học	585	1.170
1.3	Hỗ trợ 100% lãi suất vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh tại Ngân hàng Chính sách xã hội đối với hộ mới thoát nghèo	Ngân sách địa phương (tỉnh)	813	8,25%	480	960



STT	Các chính sách bổ sung Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND	Nguồn lực	Số lượng đối tượng (hộ)	Định mức hỗ trợ	Kinh phí bình quân mỗi năm (Triệu đồng)	Tổng kinh phi 2 năm (Triệu đồng)
2	Chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 trên địa bàn tỉnh Đăk Nông theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ Chính phủ	Tổng Ngân sách địa phương (tỉnh)	517	7.559		
2.1	Hỗ trợ các hộ nghèo đang vay vốn làm nhà ở theo chính sách được quy định tại Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg	Ngân sách địa phương	517	10 triệu đồng/hộ	5.170	
2.2	Hỗ trợ các hộ nghèo đang sinh sống tại các vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn	Ngân sách địa phương	302	2 triệu đồng/hộ	604	
2.3	Hỗ trợ hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (chủ hộ là người già không có sức lao động, neo đơn, tàn tật)	Ngân sách địa phương	73	10 triệu đồng/hộ	730	
2.4	Hỗ trợ hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số	Ngân sách địa phương	211	5 triệu đồng/hộ	1.055	
	Tổng (I+II)				25.626	36.134
	Ngân sách Trung ương				12.819	25.638
	Ngân sách địa phương				12.473	9.828
III	Tổng cộng	Huy động, lồng ghép			334	668



## BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG

Về việc bổ sung một số chính sách thuộc Chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016 - 2020 ban hành kèm theo

Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông

(Gửi kèm Tờ trình số /TTr-UBND ngày / / 2019  
của UBND tỉnh Đắk Nông)

Căn cứ Nghị quyết số 76/2014/QH13 ngày 24/6/2014 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015;

Thực hiện Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông, về Chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2016-2020;

Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông xây dựng báo cáo đánh giá tác động về bổ sung một số chính sách thuộc Chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016 - 2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông, với các nội dung cụ thể như sau:

### I. Tên Nghị quyết, cơ quan quản lý và sự cần thiết của Nghị quyết

**1. Tên Nghị quyết:** Bổ sung một số chính sách thuộc Chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016 - 2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông.

**2. Cơ quan quản lý:** Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông.

### **3. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết:**

Trong những năm qua, công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Đăk Nông đã nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể, thu hút sự tham gia của cả hệ thống chính trị và sự đồng thuận của nhân dân trong suốt quá trình triển khai thực hiện. Ngoài các chính sách giảm nghèo chung của Trung ương, chính sách giảm nghèo đặc thù của tỉnh cũng đã được các cấp, các ngành, địa phương tổ chức thực hiện kịp thời, có hiệu quả và được nhân dân đồng tình hưởng ứng; ý thức, trách nhiệm của người dân trong công tác giảm nghèo được nâng lên và người nghèo đã từng bước tiếp cận được các dịch vụ xã hội cơ bản, tỷ lệ hộ nghèo chung toàn tỉnh cơ bản đạt so với Nghị quyết đề ra. Tỷ lệ hộ nghèo bình quân chung toàn tỉnh cuối năm 2018 còn 13,51%; trong đó, tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số là 30,14% và tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ là 38,57% .

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế như: thực trạng tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số còn cao, giảm nghèo chưa bền vững, đặc biệt nguy cơ tái nghèo cao khi gặp rủi ro, biến cố mà không còn chính sách “nâng đỡ” hỗ trợ cho hộ thoát nghèo. Bản thân một bộ phận người nghèo vẫn tồn tại tư tưởng ỷ lại, an phận, thiếu phương án làm ăn cụ thể, thiếu quyết tâm vươn lên thoát nghèo, tư tưởng trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước, tâm lý ngần ngại việc đăng ký thoát nghèo vì cho rằng hết nghèo là hết chính sách hỗ trợ. Bên cạnh đó, trong thời gian qua, việc triển khai chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 (Chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg giai đoạn 2) gặp nhiều khó khăn, thực hiện chưa bảo đảm kế hoạch đề ra, do mức vay và hỗ trợ thấp không đủ xây dựng nhà ở (hộ nghèo vay vốn 25 triệu đồng/hộ; ngân sách tỉnh hỗ trợ cho hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn là 10 triệu đồng/hộ; ngân sách tỉnh hỗ trợ cho hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số là 05 triệu đồng/hộ).

Do đó, định hướng cho những năm tiếp theo trong công tác giảm nghèo của tỉnh là tiếp tục tạo chuyển biến tích cực về nhận thức, hành động về giảm nghèo bền vững; động viên và có chính sách hỗ trợ kịp thời hộ mới thoát nghèo để khắc phục tâm lý hụt hẫng khi thoát ra khỏi hộ nghèo mà không còn chính sách hỗ trợ, hạn chế tái nghèo và tạo độ bền chính sách (hiện nay các chính sách của Trung ương và địa phương chủ yếu là hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo mà chưa chính sách hỗ trợ hộ thoát nghèo); nêu gương điển hình và phong trào thoát nghèo, bảo đảm giảm nghèo bền vững và tạo điều kiện cải thiện chỉ số thiểu hụt về dịch vụ nhà ở cho hộ nghèo, bảo đảm an sinh xã hội, góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững theo hướng tiếp cận đa chiều để phấn đấu đến năm 2020 tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh còn dưới 7%, “đưa Đăk Nông thoát ra khỏi tình trạng của một tỉnh nghèo, chưa phát triển” theo chỉ đạo của Tỉnh ủy.

Với ý nghĩa và tầm quan trọng trên, đồng thời để tạo sự chuyển biến mới trong công tác giảm nghèo thời gian tới, việc thiết kế, kịp thời xây dựng, bổ sung các chính sách giảm nghèo đặc thù tại Chương trình kèm theo Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đăk Nông để hỗ trợ người nghèo, hộ mới thoát nghèo theo hướng phát huy nội lực của người dân, phấn đấu vươn lên thoát nghèo bền vững là phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nhằm góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XI, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.

#### **4. Đánh giá thực trạng**

##### **4.1. Bối cảnh**

Quốc hội, Chính phủ đã quyết định tập trung ưu tiên nguồn lực đầu tư cho Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững gắn liền với việc thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2011-2020) và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2016-2020) của Quốc gia và của các địa phương; đồng thời, được tổ chức thực hiện lồng ghép với Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới, tạo điều kiện để giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới. Bên cạnh đó, nhiều cơ chế, chính sách tập trung đầu tư ưu tiên cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn, nơi có tỷ lệ nghèo cao và các chính sách giảm nghèo mới ban hành hoặc được điều chỉnh, bổ sung sẽ đáp ứng yêu cầu mới về giảm nghèo bền vững.

Tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh đã có những bước phát triển hơn trước, vì vậy, với quan điểm chung của Trung ương và của tỉnh là sẽ tăng đầu tư nguồn lực thực hiện chính sách xã hội theo Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01/6/2012 của Hội nghị Trung ương 5 (khoá XI) “Một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020”, trong đó có tăng đầu tư cho lĩnh vực giảm nghèo bền vững.

Bên cạnh đó, những kết quả đạt được trong công tác giảm nghèo thời gian qua là nền tảng cơ bản để thực hiện hiệu quả mục tiêu giảm nghèo bền vững, nhất là đầu tư kết cấu hạ tầng và hỗ trợ phát triển sản xuất. Dự báo giai đoạn tới, công tác giảm nghèo ngày càng được xã hội hóa, nhiều doanh nghiệp, nhiều tổ chức, cá nhân tham gia với nhiều hoạt động, phong trào hỗ trợ giảm nghèo thiết thực, tạo điều kiện huy động nhiều nguồn lực để cùng với ngân sách nhà nước phục vụ mục tiêu giảm nghèo bền vững, góp phần giúp hộ gia đình vươn lên thoát nghèo một cách bền vững. Vì vậy, yêu cầu đặt ra trong giai đoạn này và những năm tiếp theo cần phải xây dựng, ban hành các chính sách có tính độ bền, tránh tình trạng người nghèo rơi vào vòng luẩn quẩn “Nghèo - thoát nghèo - tái nghèo”.

Bối cảnh trên là cơ sở quan trọng để kết hợp giữa kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội gắn với giảm nghèo và định hướng xây dựng, bổ sung, ban hành các chính sách giảm nghèo đặc thù của tỉnh, nhằm khuyến khích động viên các hộ gia đình thoát nghèo bền vững.

## 4.2. Thực trạng

Trong những năm qua Đảng, Nhà nước ta đã dành sự quan tâm rất lớn cho xóa đói, giảm nghèo và an sinh xã hội, do đó nền kinh tế tỉnh Đăk Nông đã có những bước phát triển tích cực, đời sống vật chất ngày càng được cải thiện, công cuộc xóa đói giảm nghèo của tỉnh cũng đã đạt được những thành công quan trọng.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế: Chất lượng giảm nghèo chưa bền vững, nguy cơ tái nghèo cao do nhiều nguyên nhân và rủi ro bất khả kháng như: Thiên tai, dịch bệnh, tác động tiêu cực của nền kinh tế thị trường..., chủ yếu tập trung ở các vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số. Trong giai đoạn 2016 - 2020, chuẩn nghèo tiếp cận theo đa chiều (chiều thu nhập và thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản) nên một bộ phận hộ nghèo tuy đã thoát nghèo nhưng vẫn bị thiếu hụt trong việc tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản. Tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của tỉnh còn ở mức cao và không đồng đều giữa các vùng, địa phương, xu hướng nghèo tập trung chủ yếu ở nhóm đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ. Tuy tỷ lệ hộ nghèo bình quân toàn tỉnh đã giảm (cuối năm 2018 tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm còn 13,51%), trong đó các huyện nghèo giảm đạt mục tiêu đề ra (từ 4-5%). Tuy nhiên, toàn tỉnh vẫn còn 02 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao (trên 50%) được hưởng theo cơ chế của Chương trình 30a là huyện Đăk Glong và huyện Tuy Đức; có 12 xã đặc biệt khó khăn (tỷ lệ hộ nghèo trên 50%); 20 xã có tỷ lệ hộ nghèo trên 25%. Bên cạnh đó, dân di cư tự do luôn gia tăng, gây nên những hệ lụy không nhỏ trong phát triển kinh tế, an ninh trật tự xã hội, giảm nghèo bền vững và bảo vệ tài nguyên môi trường. Các địa bàn cơ sở (Tuy Đức, Đăk Glong) có người dân di cư tự do đi và đến đều gặp áp lực lớn trong công tác giảm nghèo, đặc biệt là việc bảo vệ tài nguyên rừng, ảnh hưởng tới môi trường sinh thái.

Do đó, trong những năm tiếp theo, Đảng, chính quyền và nhân dân tỉnh Đăk Nông tiếp tục xác định công tác giảm nghèo bền vững là nhiệm vụ hết sức khó khăn, lâu dài, đòi hỏi toàn Đảng và toàn dân phải có quyết tâm và nỗ lực không ngừng. Để phát huy những kết quả đạt được, khắc phục những tồn tại, hạn chế, tạo sự chuyển biến mới trong công tác giảm nghèo trong thời gian tới theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII đã đề ra, tỉnh Đăk Nông cần tiếp tục có chính sách và tập trung nguồn lực để thực hiện các chính sách giảm nghèo đặc thù trên địa bàn tỉnh, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương để giải quyết căn cơ thực trạng nghèo trên địa bàn, góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững theo hướng tiếp cận đa chiều để phấn đấu đến năm 2020 tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh còn dưới 7%, “đưa Đăk Nông thoát ra khỏi tình trạng của một tỉnh nghèo, chưa phát triển”.

## II. Mục tiêu của Nghị quyết

### 1. Mục tiêu chung

Phải bảo đảm thực hiện giảm nghèo bền vững, hạn chế thấp nhất tình trạng tái nghèo và phát sinh nghèo mới bằng việc tiếp tục tạo điều kiện cho hộ

nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, đặc biệt là nhóm hộ nghèo đăng ký cam kết thoát nghèo hằng năm vươn lên phát triển kinh tế, có việc làm ổn định và tăng thu nhập, bảo đảm an sinh xã hội, nhất là 05 loại hình dịch vụ xã hội cơ bản. Huy động nguồn lực hỗ trợ đầu tư nâng cao chất lượng kết cấu hạ tầng ở các thôn, xã, huyện nghèo và địa phương có tỷ lệ nghèo cao theo bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới, tạo điều kiện cho phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo nhanh và bền vững, ưu tiên cho địa bàn nghèo, và các xã nghèo xây dựng nông thôn mới, thu hẹp khoảng cách về điều kiện sống của nhân dân giữa các vùng và giữa các thành phần dân tộc trên địa bàn tỉnh.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

- Phấn đấu hằng năm giảm 2,5% trở lên, trong đó hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số giảm từ 3% và hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm từ 5% trở lên; phấn đấu đến năm 2020, tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh còn dưới 7% (*theo chuẩn nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020*).

- Đến năm 2020 phấn đấu có 50% số xã thoát khỏi tình trạng xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, 01 huyện thoát khỏi huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao, hướng đến đạt mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI đã đề ra “đến năm 2020 đưa Đăk Nông thoát ra khỏi tình trạng của một tỉnh nghèo, chưa phát triển”.

- 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo đăng ký cam kết thoát nghèo vẫn được áp dụng thực hiện một số chính sách như đổi với hộ nghèo để thoát nghèo một cách bền vững.

## **III. Phạm vi, đối tượng của Nghị quyết**

### **1. Đối tượng thực hiện**

Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo vượt qua chuẩn cận nghèo theo Chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020 tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ trên phạm vi toàn tỉnh; ưu tiên hộ gia đình là người dân tộc thiểu số, dân tộc thiểu số tại chỗ; phụ nữ thuộc nghèo; người dân và cộng đồng sống trên địa bàn các xã, huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao; hộ nghèo có nhu cầu hỗ trợ kinh phí làm nhà ở mà chưa được hỗ trợ nhà ở từ các năm trước và có cam kết vay vốn làm nhà ở theo chính sách quy định tại Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1658/QĐ-UBND ngày 28/10/2015, về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở đổi với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015.

### **2. Phạm vi thực hiện**

Nghị quyết được thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh, khuyến khích các địa phương vận dụng các chính sách giảm nghèo đặc thù áp dụng cho đối tượng nghèo trên địa bàn bằng nguồn lực của địa phương; ưu tiên nguồn lực của Nghị quyết đầu tư tại địa bàn trọng điểm sau:

- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao;
- Xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc;
- Xã biên giới;
- Thôn, buôn, bon, bản đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc.

#### **IV. Nội dung các chính sách bổ sung tại Nghị quyết**

##### 1. Các dự án, chính sách giảm nghèo chung

a) Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo (Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 1: Chương trình 30a)

- Mục tiêu, đối tượng, nội dung hỗ trợ: (được quy định tại điểm a, khoản 6, Điều 1 của Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ).

- Địa bàn áp dụng: 02 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao: huyện Tuy Đức và huyện Đăk Glong.

- Vốn và nguồn vốn: Tổng nhu cầu vốn thực hiện từ năm 2018 - 2020 là 40.702 triệu đồng, bình quân mỗi năm 13.567 triệu đồng, trong đó:

- + Ngân sách Trung ương: 36.139 triệu đồng (vốn sự nghiệp);
- + Ngân sách địa phương: 3.613 triệu đồng (vốn sự nghiệp);
- + Vốn huy động hợp pháp khác: 950 triệu đồng.

b) Chính sách hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài (Tiểu dự án 4 thuộc Dự án 1 - Chương trình 30a).

- Mục tiêu, đối tượng, nội dung hỗ trợ: Theo quy định tại điểm a, khoản 6, Điều 1 của Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- Địa bàn áp dụng: 02 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao: huyện Tuy Đức và huyện Đăk Glong.

- Vốn và nguồn vốn: Tổng nhu cầu vốn thực hiện từ năm 2018 - 2020 là: 2.600 triệu đồng, bình quân mỗi năm 867 triệu đồng trong đó:

- + Ngân sách Trung ương: 2.318 triệu đồng (vốn sự nghiệp);
- + Ngân sách địa phương: 232 triệu đồng (vốn sự nghiệp);
- + Vốn huy động hợp pháp khác: 50 triệu đồng.”

##### 2. Chính sách giảm nghèo đặc thù

a) Chính sách khuyến khích đối với hộ nghèo có khả năng thoát nghèo và có đăng ký cam kết thoát nghèo bền vững:

- Mục tiêu: Tiếp tục tạo chuyển biến tích cực về nhận thức, hành động về giảm nghèo bền vững; động viên khuyến khích kịp thời hộ mới thoát nghèo, nêu gương điển hình và phong trào thoát nghèo, đảm bảo giảm nghèo bền vững, nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu, chỉ tiêu giảm nghèo đề ra.

- Đối tượng: Hộ thoát nghèo vượt qua chuẩn cận nghèo theo Chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020 tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

- Điều kiện áp dụng: Là hộ nghèo thuộc chính sách giảm nghèo có đơn tự nguyện đăng ký tham gia và cam kết thoát nghèo bền vững, vượt qua chuẩn cận nghèo tối thiểu 2 năm (từ năm 2019 đến năm 2020) liên tiếp kể từ thời điểm được công nhận thoát nghèo; không áp dụng đối với các hộ nghèo không tự nguyện cam kết thoát nghèo. Riêng chính sách hỗ trợ Bảo hiểm y tế không áp dụng đối với các đối tượng là người có công với cách mạng; thân nhân lực lượng vũ trang; đối tượng bảo trợ xã hội; người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; người đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Nội dung chính sách khuyến khích:

+ Được hỗ trợ 100% mệnh giá mua thẻ bảo hiểm y tế theo loại hình bảo hiểm y tế tự nguyện.

+ Hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh con của hộ thoát nghèo đang theo học ở các cấp phổ thông; Học sinh trung học chuyên nghiệp, trung cấp nghề hệ chính quy; sinh viên đại học, cao đẳng hệ chính quy tập trung với mức 100.000 đồng/học sinh/tháng (cấp 9 tháng/năm học đối với học sinh con của hộ thoát nghèo đang theo học ở các cấp học phổ thông, cấp 10 tháng/năm học đối với học sinh trung học chuyên nghiệp, trung cấp nghề hệ chính quy; sinh viên đại học, cao đẳng hệ chính quy tập trung).

+ Hỗ trợ 100% lãi suất vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh tại Ngân hàng Chính sách xã hội đối với hộ mới thoát nghèo.

- Thời gian hỗ trợ: Các chính sách được thực hiện trong 02 năm liên tục sau khi hộ thoát nghèo.

- Nguồn ngân sách hỗ trợ: Ngân sách tỉnh đảm bảo 100% kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ cho hộ thoát nghèo.

b) Chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 trên địa bàn tỉnh Đăk Nông theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ:

- Đối tượng: Hộ nghèo có nhu cầu hỗ trợ kinh phí làm nhà ở mà chưa được hỗ trợ nhà ở từ các năm trước và có cam kết vay vốn làm nhà ở theo chính sách quy định tại Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1658/QĐ-UBND ngày 28/10/2015, về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015.

- Nội dung của chính sách: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100%.

+ Hộ nghèo có nhu cầu hỗ trợ kinh phí làm nhà ở mà chưa được hỗ trợ nhà ở từ các năm trước và có cam kết vay vốn làm nhà ở theo chính sách được quy định tại Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ thì được hỗ trợ 10.000.000 đồng/hộ.

+ Ngoài ra, ngân sách tỉnh hỗ trợ thêm:

Hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (chủ hộ là người già không có sức lao động, neo đơn, tàn tật): 10 triệu đồng/hộ.

Hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số: 05 triệu đồng/hộ.

Hộ gia đình đang cư trú tại các huyện nghèo theo quy định tại quyết định số 275/QĐ-TTg ngày 07/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ hoặc các hộ đang sinh sống tại các vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn: 02 triệu đồng/hộ.

(Trường hợp hộ gia đình vừa là hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, vừa là hộ đồng bào dân tộc thiểu số thì được hưởng 01 mức hỗ trợ cao nhất).

Những hộ nghèo đã được hưởng chính sách hỗ trợ kinh phí làm nhà ở tại Nghị quyết này thì không được thụ hưởng chính sách hỗ trợ tại Chương trình hỗ trợ nhà ở khác của tỉnh.

## V. Kinh phí thực hiện và cơ chế huy động

### 1. Kinh phí thực hiện (*Theo phụ lục đính kèm*)

a) Đối với các huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao được hưởng cơ chế, chính sách theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP: Nguồn ngân sách thực hiện tiêu dự án 3 và tiêu dự án 4 giai đoạn 2018-2020, gồm: Ngân sách Trung ương và vốn đối ứng của địa phương và vốn huy động, vốn đóng góp của nhân dân, dự kiến bình quân mỗi năm tổng nguồn vốn là 14.434 triệu đồng.

b) Đối với hộ nghèo là đối tượng được hỗ trợ nhà ở theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ, được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1658/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của UBND tỉnh Đăk Nông về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015: Ngân sách tỉnh hỗ trợ; dự kiến bình quân mỗi năm khoảng 8.343 triệu đồng.

c) Đối với các chính sách cho hộ nghèo đăng ký thoát nghèo bền vững: Nguồn kinh phí tỉnh thực hiện hỗ trợ dự kiến bình quân mỗi năm khoảng 3.658 triệu đồng.

### 2. Cơ chế huy động vốn

Ngoài nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, cần thực hiện lòng ghép nguồn vốn các chương trình, dự án hỗ trợ trên địa bàn và tăng cường huy động đóng góp hợp pháp từ cộng đồng, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh; tăng cường, tranh thủ sự trợ giúp, nguồn vốn hợp tác từ các tổ chức quốc tế, tổ chức phi Chính phủ về kỹ thuật và nguồn lực để thực hiện thành công mục tiêu của chương trình.

## **VI. Thời gian và tiến độ thực hiện Nghị quyết**

**1. Thời gian thực hiện:** Từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31/12/2020.

**2. Tiến độ thực hiện:** Căn cứ vào khả năng bối trí, huy động nguồn lực và khả năng thực hiện các nội dung Chương trình, dự kiến tiến độ thực hiện như sau:

- Năm 2019 - 2020: Đạt khoảng 70% một số mục tiêu, chỉ tiêu của Nghị quyết.

- Năm 2021: đạt 100% các mục tiêu, chỉ tiêu của Nghị quyết đã đề ra.

## **VII. Tổ chức thực hiện Chương trình**

Sau khi Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ tổ chức, triển khai cụ thể thực hiện chính sách.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

## **VIII. Đánh giá hiệu quả, tác động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và phát triển bền vững của Nghị quyết**

Việc bổ sung các chính sách giảm nghèo đặc thù khuyến khích hộ gia đình vươn lên thoát nghèo bền vững, giai đoạn 2019 - 2021 sẽ góp phần thúc đẩy thực hiện mục tiêu bình quân mỗi năm, tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh giảm từ 2%; trong đó, hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số giảm từ 3% và hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm từ 5% trở lên; tạo môi trường cho người nghèo nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội của người nghèo về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, thông tin; tạo điều kiện sinh kế, việc làm, thu nhập cho người nghèo phù hợp với đặc điểm cụ thể của địa phương trên cơ sở đẩy mạnh phân cấp, trao quyền cho cơ sở, cộng đồng, tăng cường sự tham gia của người nghèo. Thực hiện chương trình hiệu quả cũng là giải pháp để thực hiện phát triển kinh tế bền vững, ổn định xã hội, giữ vững an ninh chính trị ở các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn nhất trong tỉnh.

**1. Về kinh tế:** Thông qua các chính sách đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tạo điều kiện lưu thông, trao đổi hàng hóa thuận tiện hơn giữa các vùng, đặc biệt là các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn; tăng thu nhập cho người dân và người nghèo, góp phần thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa các vùng.

**2. Về xã hội:** Tiếp tục tạo chuyển biến tích cực về nhận thức, hành động về giảm nghèo bền vững; động viên kịp thời hộ mới thoát nghèo, xã thoát nghèo; nêu gương điển hình và phong trào thoát nghèo, bảo đảm giảm nghèo bền vững; phấn đấu đến năm 2020 có 01 huyện thoát khỏi huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao và 06 xã thoát nghèo trên địa bàn tỉnh, góp phần ổn định xã hội trên địa bàn. Nâng cao kiến thức và năng lực đội ngũ cán bộ cơ sở và người dân để họ thực sự làm chủ trong sự nghiệp giảm nghèo.

**3. Về quốc phòng, an ninh:** Việc thực hiện phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, bảo đảm nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống của người dân sẽ góp phần thực hiện mục tiêu ổn định an ninh, quốc phòng, giữ vững biên cương Tổ quốc tại các huyện giáp ranh biên giới.

**4. Về phát triển bền vững:** Việc thực hiện thành công các mục tiêu giảm nghèo sẽ góp phần thực hiện chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế xã hội đi đôi với xóa đói giảm nghèo. Bên cạnh đó, các chính sách cũng mở rộng đối tượng hỗ trợ là hộ mới thoát nghèo vượt qua chuẩn cận nghèo theo Chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020 tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó ưu tiên hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ để bảo đảm cho đối tượng hộ mới thoát nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ thoát nghèo một cách bền vững./.

**BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN GÓP Ý**  
**Về việc bổ sung một số chính sách thuộc Chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh Đăk Nông, giai đoạn 2016-2020 kèm theo Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh**

Số	Đơn vị góp ý	Số văn bản	Ngày ban hành	Nội dung góp ý và giải trình
1	Sở Tài chính	828/STC-QLNS	18/4/2019	<p>Nội dung góp ý:</p> <p>1.Đối với các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của HĐND tỉnh. Sở Tài chính đề nghị đơn vị soạn thảo nghiên cứu lại việc không đề nghị cơ quan có thẩm quyền ban hành thêm chính sách vào Nghị quyết như sau:</p> <p><b>Ý kiến I:</b> Đối với chính sách “<i>Hỗ trợ 100% mệnh giá mua thẻ bảo hiểm y tế theo loại hình bảo hiểm y tế nguyện vọng trong thời gian 36 tháng</i>”: Hiện nay, cơ quan bảo hiểm xã hội chưa thống kê được số lượng hộ nghèo thoát nghèo nên chưa dự báo được nguồn ngân sách địa phương phải đảm bảo cho chính sách này; mặt khác, Sở Tài chính đang trình dự thảo Nghị quyết quy định hỗ trợ kinh phí mua thẻ BHYT cho các đối tượng chính sách trên địa bàn tỉnh, vì vậy để tránh trùng lắp về đối tượng thụ hưởng và để đảm bảo công bằng cho một số nhóm đối tượng khác có nguyện vọng được hỗ trợ mua BHYT nhưng không được hỗ trợ, đề nghị cơ quan soạn thảo không quy định nội dung này trong Dự thảo.</p> <p><b>Giải trình:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hàng năm Sở Lao động - TB&amp;XH tổ chức điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và đã thông kê được số hộ thoát nghèo (tỷ lệ giảm nghèo). Do đó, số liệu thống kê số hộ thoát nghèo theo dự thảo Nghị quyết bảo đảm chính xác.</li> <li>- Sở Tài chính đang trình dự thảo Nghị quyết về chính sách hỗ trợ 30% số kinh phí mua thẻ BHYT còn lại cho nhóm đối tượng hộ nghèo đa chiều thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản khác (không bị thiêu hụt BHYT) và hộ cận nghèo theo</li> </ul>

Số tự tố	Đơn vị góp ý	Số văn bản	Nội dung góp ý và giải trình
Ngày ban hành			
			<p><b>Ý kiến 2:</b> Đối với chính sách “Hỗ trợ chi phí học tập,... Các chính sách hỗ trợ giáo dục được thực hiện trong 03 năm học liên tục sau khi hộ thoát nghèo”: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh đang triển khai thực hiện các chính sách về hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em, học sinh, sinh viên, học viên tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021; Nghị định số 145/2018/NĐ-CP ngày 16/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ; Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg, ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số tại các cơ sở giáo dục đại học; Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 06/9/2016 của HĐND tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tỉnh Đăk Nông từ năm học 2020-2021; Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn. Do đó, để tránh trùng lặp nội dung chính sách giữa Trung ương và địa phương, đề nghị cơ quan soạn thảo không quy định nội dung này.</p> <p><b>Giải trình:</b> Các chính sách về hỗ trợ chi phí học tập của địa phương và trung ương quy định trên thì các đối tượng được thụ hưởng là học sinh thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc hộ nghèo, hộ cận nghèo đồng bào dân tộc thiểu số và sinh sống tại vùng đặc biệt khó khăn. Còn đối tượng của dự thảo Nghị quyết là học sinh thuộc diện hộ thoát nghèo. Do vậy, đối tượng thụ hưởng không trùng lặp.</p>

Số	Đơn vị góp ý	Số văn bản	Ngày ban hành	Nội dung góp ý và giải trình
				<p><u><b>Ý kiến 3:</b></u> Đối với nội dung chính sách “<i>Hỗ trợ 100% lãi suất vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh tại ngân hàng chính sách xã hội đối với hộ mới thoát nghèo, thời gian hỗ trợ lãi suất 36 tháng</i>”: Liên quan đến nội dung hỗ trợ lãi suất thi hiện nay trên địa bàn tỉnh đang thực hiện chính sách “<i>Hỗ trợ lãi suất đối với hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ trên địa bàn tỉnh Đăk Nông giai đoạn 2015-2020</i>” được quy định tại Nghị quyết số 43/2014/NQ-HĐND ngày 18/12/2014 của HĐND tỉnh. Đề đảm bảo công bằng và thống nhất trong việc hỗ trợ, đề nghị cơ quan soạn thảo không ban hành bổ sung chính sách này.</p> <p><u><b>Giải trình:</b></u> Nghị quyết số 43/2014/NQ-HĐND ngày 18/12/2014 của HĐND tỉnh, về đổi tƣợng thu hƣởng chính sách là hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ được hỗ trợ lãi suất khi vay vốn tại các Ngân hàng thương mại. Còn dự thảo Nghị quyết các đổi tƣợng thu hƣởng là hộ thoát nghèo.</p> <p>2. Về nội dung “<i>Chính sách tăng mức hỗ trợ cải thiện nhà ở cho hộ nghèo theo Quyết định số 1658/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của UBND tỉnh Đăk Nông về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo tiêu chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015</i>”:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Về tên chính sách: Đề nghị điều chỉnh tên chính sách như sau cho phù hợp, cụ thể “<i>Chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 trên địa bàn tỉnh Đăk Nông</i>”.</li> <li>- Về đổi tƣợng hỗ trợ: Quyết định số 1658/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của UBND tỉnh chỉ quy định hỗ trợ từ ngân sách tỉnh cho 2 nhóm đối tượng là “<i>Hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật)</i>” và “<i>Hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số</i>”, do đó đề nghị nêu rõ 2 nhóm đối tượng được áp dụng này trong nội dung Dự thảo.</li> </ul> <p><u><b>Giải trình:</b></u> Quyết định số 1658/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của UBND tỉnh chỉ quy định hỗ trợ từ ngân sách tỉnh cho 2 nhóm đối tượng là: “<i>Hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn 10 triệu đồng/hộ</i> và <i>Hộ gia đình là đồng bào dân</i></p>

Số	Đơn vị góp ý	Số văn bản	Ngày ban hành	Nội dung góp ý và giải trình
				<p><i>tốc thiểu số 5 triệu đồng/hộ”.</i></p> <p>Dự thảo Nghị quyết ngoài 02 nhóm đối tượng hỗ trợ trên (không thay đổi) thì mở rộng thêm đối tượng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hỗ trợ 10 triệu đồng/hộ cho tất cả các hộ gia đình chưa được thực hiện hỗ trợ xây dựng nhà ở từ các năm trước và có nhu cầu vay vốn làm nhà ở theo chính sách được quy định tại Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg của thủ tướng Chính phủ;</li> <li>+ Hỗ trợ 02 triệu đồng/hộ đối với hộ gia đình đang cư trú tại các huyện nghèo theo quy định tại quyết định số 275/QĐ-TTg ngày 07/3/2018 của TTCP hoặc các hộ đang sinh sống tại các vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn.</li> </ul> <p>3. Ngày 17/10/2018, Chính phủ ban hành Nghị định số 146/2018/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế. Đề nghị đơn vị nghiên cứu lại đối tượng quy định tại Điểm b, Khoản 2, Mục I, Phần thứ ba của Chương trình ban hành kèm theo Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của HĐND tỉnh để tránh sự trùng lặp, chồng chéo đối tượng và chính sách của Trung ương ban hành tại Nghị định số 146/2018/NĐ-CP của Chính phủ.</p> <p><b><u>Giải trình:</u></b> theo Nghị định số 146/2018/NĐ-CP đổi tượng hộ cận nghèo được ngân sách nhà nước hỗ trợ tối thiểu 70% mức đóng bảo hiểm y tế.</p> <p>Còn theo Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của HĐND tỉnh thì ngân sách tỉnh hỗ trợ thêm 30% mức đóng BHYT đối với phần còn lại phải đóng của người cận nghèo theo quy định của Luật BHYT.</p> <p>Như vậy, phù hợp và không chồng chéo với đối tượng tại Nghị định số 146/2018/NĐ-CP.</p>

Số	Đơn vị góp ý	Số văn bản	Ngày ban hành	Nội dung góp ý và giải trình
2	Sở Tư pháp	412/STP-VBPL.	17/4/2019	<p>Nội dung góp ý:</p> <p>1. Đề nghị cơ quan soạn thảo xác định lại tên gọi, nội dung dự thảo văn bản cho phù hợp hơn (<i>không phải sửa đổi, bổ sung Nghị quyết mà là Chương trình kèm theo Nghị quyết</i>). Ngoài ra, cần nghiên cứu, đánh giá những bất cập, vướng mắc qua hơn 02 năm thực hiện Nghị quyết này và rà soát, cập nhật các văn bản Trung ương mới ban hành có liên quan để tham mưu sửa đổi, bổ sung một cách đầy đủ, phù hợp hơn.</p> <p>Đối với nội dung dự kiến bổ sung có liên quan đến <i>chính sách đặc thù</i> của địa phương, cần xây dựng Báo cáo đánh giá tác động chính sách theo mẫu số 01 Phụ lục V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP – đúng theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.</p> <p><b>Giải trình:</b> Cơ quan tham mưu soạn thảo tiếp thu và chỉnh sửa theo đề nghị và đồng thời có báo cáo đánh giá tác động chính sách kèm theo.</p> <p>2. Hiện nay, Sở Xây dựng đang tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh dự thảo <i>Nghị quyết thông qua Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Đăk Nông đến năm 2030</i>, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, đổi chiều, so sánh để tránh sự trùng lắp, chồng chéo.</p> <p><b>Giải trình:</b> Các đối tượng tác động, thụ hưởng tại dự thảo Nghị quyết thông qua Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Đăk Nông đến năm 2030 do Sở Xây dựng tham mưu là hộ gia đình thu nhập thấp (cán bộ, công chức, công nhân, hộ nghèo) đăng ký mua nhà ở xã hội giai đoạn 2020-2030. Còn dự thảo Nghị quyết do Sở Lao động - TBXH tham mưu là tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 1658/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của UBND tỉnh Đăk Nông về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011- 2015. Do nguồn kinh phí vay, hỗ trợ thấp nên khó khăn xây dựng nhà ở cho hộ nghèo giai đoạn 2011-2015. Do vậy, dự thảo Nghị quyết tăng mức hỗ trợ từ ngân sách tỉnh</p>

Số	Đơn vị góp ý	Số văn bản	Ngày ban hành	Nội dung góp ý và giải trình
				<p>để thực hiện hoàn thành Đề án. Do vậy, đối tượng không chòng chéo, trùng lắp.</p> <p>3. Sở Tài chính đang tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết về chính sách hỗ trợ 30% số kinh phí mua thẻ BHYT còn lại cho nhóm đối tượng hộ nghèo đa chiều thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản khác (không bị thiếu hụt BHYT) và hộ cận nghèo theo Quyết định 797/QĐ-TTg của giai đoạn 2016-2020; đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, đổi chiều, so sánh để tránh sự trùng lặp, chòng chéo.</p> <p><b>Giải trình:</b> Dự thảo Nghị quyết do Sở Tài chính tham mưu đổi tượng hỗ trợ là nhóm đối tượng hộ nghèo đa chiều thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản khác (không bị thiếu hụt BHYT) và hộ cận nghèo theo Quyết định 797/QĐ-TTg của giai đoạn 2016-2020. Còn đối tượng thụ hưởng của dự thảo Nghị quyết do Sở Lao động – TBXH tham mưu là hộ thoát nghèo. Do đó, về đối tượng không chòng chéo, trùng lắp.</p> <p>4. Về hồ sơ, thủ tục xây dựng Nghị quyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề nghị cơ quan soạn thảo thực hiện đúng quy định tại điểm a, điểm c tiểu mục 3 mục II Kế hoạch số 176/KH-UBND ngày 03/4/2019 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện các nội dung trình HĐND tỉnh khóa III tại Kỳ họp thứ 8.</li> <li>- Việc tổ chức lấy ý kiến cần thực hiện theo yêu cầu của UBND tỉnh tại tiểu mục 2 mục III Kế hoạch số 176/KH-UBND: “2. Trường hợp trong thời hạn quy định tại Kế hoạch này không đủ khoảng thời gian để lấy ý kiến các đối tượng có liên quan theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan soạn thảo tổng hợp ý kiến đến thời điểm gửi hồ sơ; đồng thời, tổng hợp, báo cáo bổ sung các ý kiến dân đến thay đổi nội dung đã trình (nếu có) ngay sau khi hết thời hạn lấy ý kiến”</li> </ul> <p><b>Giải trình:</b> Cơ quan soạn thảo tiếp thu, hoàn chỉnh theo quy định.</p>

Số	Đơn vị góp ý	Số văn bản	Ngày ban hành	Nội dung góp ý và giải trình
3	Sở Nội vụ	577/SNV-TTr	11/4/2019	<p>Nội dung góp ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Theo khoản 3, Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: “<i>Căn cứ ban hành văn bản được thể hiện bằng chữ in thường, kiểu chữ nghiêng, cỡ chữ 14, trình bày dưới phần tên của văn bản</i>”. Đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội điều chỉnh kiểu chữ tại phần căn cứ của dự thảo Nghị quyết từ kiểu chữ in thường, kiểu chữ đứng thành chữ in thường, kiểu chữ nghiêng.</li> </ul> <p>- Theo quy định tại Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì thê thức của văn bản quy phạm pháp luật không quy định dùng dấu “_” (dấu trù), “+” (dấu cộng), “*” (dấu sao) trong văn bản.</p> <p><b>Giải trình:</b> Cơ quan soạn thảo tiếp thu, hoàn chỉnh theo quy định.</p>
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	743/SKH-QLN	16/4/2019	<p>Cơ bản thống nhất dự thảo Nghị quyết, tuy nhiên đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung cụm từ “giảm nghèo bền vững” vào tiêu đề Nghị quyết.</p> <p><b>Giải trình:</b> Cơ quan soạn thảo tiếp thu, hoàn chỉnh theo đề nghị.</p>
5	Sở Công Thương	367/SCT-VP	10/4/2019	Thông nhất với nội dung của bản dự thảo
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	805/SNN-PNNT	18/4/2019	Thống nhất với nội dung của bản dự thảo
7	Sở Y tế	597/SYT-KHNV	18/4/2019	Thống nhất với nội dung của bản dự thảo
8	Sở Tài Nguyên và Môi trường	704/STNMT-VP	12/4/2019	Thống nhất với nội dung của bản dự thảo

Số	Đơn vị góp ý	Số văn bản	Ngày ban hành	Nội dung góp ý và giải trình
9	Sở Thông tin và Truyền thông	298/STTTT-TTBCTXB	16/4/2019	Thông nhất với nội dung của bản dự thảo
10	Sở Xây dựng	674/SXD-HT&QLN	17/4/2019	Thông nhất với các nội dung của bản dự thảo
11	Sở Giao thông vận tải	663/SGTVT-KHTC	11/4/2019	Thông nhất với các nội dung của bản dự thảo
12	Sở Khoa học và Công nghệ	214/SKHCN-VP	17/4/2019	Thông nhất với các nội dung của bản dự thảo
13	Sở Ngoại vụ	272/SNGV-VP	22/4/2019	Thông nhất với các nội dung của bản dự thảo
14	Ban Dân tộc tỉnh	190/BDT-NV	09/4/2019	Thông nhất với nội dung của bản dự thảo
15	Ban Quản lý các khu công nghiệp	264/BQLKCN-NVTH	10/4/2019	Thông nhất với nội dung của bản dự thảo
16	Bệnh viện đa khoa tỉnh	130/BVT-KHTh	10/4/2019	Thông nhất với nội dung của bản dự thảo
17	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	67/PTTH-TCHC	09/4/2019	Thông nhất với nội dung của bản dự thảo
18	Hội Nông dân tỉnh	177-CV/HNDT	22/4/2019	Thông nhất với nội dung của bản dự thảo
19	UBND thị xã Gia Nghĩa	565/UBND-LĐTBXH	12/4/2019	Nội dung góp ý: Cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Số	Đơn vị góp ý	Số văn bản	Ngày ban hành	Nội dung góp ý và giải trình
1				<p>Đák Nông. Tuy nhiên, để tạo điều kiện cho hộ nghèo đăng ký thoát nghèo sớm ổn định cuộc sống, vuơn lên thoát nghèo bền vững, Ủy ban nhân dân thị xã Gia Nghĩa đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đák Nông xem xét, điều chỉnh thời gian áp dụng hỗ trợ 100% kinh mua thẻ bảo hiểm y tế cho hộ nghèo đăng ký và cam kết thoát nghèo bền vững (vượt qua chuẩn cận nghèo) từ tối thiểu 03 năm (từ năm 2019 đến năm 2021) xuống còn 02 năm để phù hợp với Chương trình giảm nghèo giai đoạn 2016 - 2020.</p> <p><b>Giải trình:</b> Cơ quan soạn thảo tiếp thu, hoàn chỉnh theo đề nghị.</p>
20	UBND huyện Đăk Glong	1008/UBND- LĐTBXH	10/4/2019	<p>Nội dung góp ý:</p> <p>Tại phần “Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo” dự thảo Nghị quyết về sửa đổi, bổ sung ghi “Hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với quy hoạch sản xuất... UBND huyện Đăk Glong đề nghị bỏ cụm từ “diêm nghiệp”, vì nghề diêm nghiệp không có ở địa bàn Đăk Nông. Tương tự như vậy, tại phần nội dung hỗ trợ cũng bỏ diêm nghiệp. Về đối tượng: Thay “người lao động là người sau cai nghiện ma túy, nhiễm HIV/AIDS, phụ nữ bị buôn bán trở về,... thuộc hộ nghèo” bằng “Tạo điều kiện để người lao động là người sau cai nghiện ma túy, nhiễm HIV/AIDS, phụ nữ bị buôn bán trở về,... thuộc hộ nghèo được tham gia dự án”.</p> <p>Đề nghị quy định rõ mức hỗ trợ đối với các chính sách, như: Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo và Chính sách hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.</p> <p>Các nội dung khác UBND Đăk Glong thống nhất với nội dung của dự thảo.</p> <p><b>Giải trình:</b> Cơ quan soạn thảo tiếp thu, hoàn chỉnh theo đề nghị.</p>

Số	Đơn vị góp ý	Số văn bản	Ngày ban hành	Nội dung góp ý và giải trình
21	UBND huyện Đăk R'Lấp	430/UBND-VX	17/4/2019	<p>Nội dung góp ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục 2 “Bổ sung mục 2, phần III, chính sách giảm nghèo đặc thù của tỉnh” cần quy định thêm nội dung nếu hộ gia đình không thực hiện đúng cam kết thì phải có hình thức thu hồi.</li> <li>- Tại điểm e) “Chính sách tăng mức hỗ trợ cải thiện nhà ở....” Phần đối tượng đề nghị bổ sung ghi rõ hộ gia đình các hộ gia đình đã thực hiện vay vốn theo Kế hoạch từ năm 2016 - 2021 của UBND tỉnh có tên trong danh sách đã được phê duyệt theo Quyết định 1658/QĐ-UBND ngày 28/10/2015... thì mới được hỗ trợ.</li> <li>- Tại phần hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (<i>hộ gia đình có chủ hộ là người già không còn sức sao động, neo đơn, tàn tật</i>) cần làm rõ thêm thẻ nào là đối tượng đặc biệt khó khăn bởi vì hiện nay có một số hộ gia đình tuy chủ hộ là người già không còn sức lao động nhưng đang sống với các con điều có sức lao động... Vì vậy, xin kiến nghị sửa lại là: “<i>Chủ hộ là người già không còn sức lao động đang sống neo đơn hoặc đối tượng chủ hộ là người tàn tật đang hưởng trợ cấp Bảo trợ xã hội</i>”.</li> </ul> <p><b><u>Giải trình:</u></b> Cơ quan soạn thảo tiếp thu, hoàn chỉnh theo đề nghị.</p>
22	Phòng LĐ-TB&XH huyện Cư Jút	54/CV-LĐTBXH	10/4/2019	Thống nhất với nội dung của bản dự thảo
23	UBND huyện Đăk Song	1470/UBND-LĐTBXH	10/4/2019	Thống nhất với nội dung của bản dự thảo
24	Phòng Lao động-TB&XH huyện Đăk Mil	31/LĐTBXH	16/4/2019	Thống nhất với nội dung của bản dự thảo

Số: 20/BCTĐ-STP

Đăk Nông, ngày 08 tháng 5 năm 2019

### BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

**Dự thảo Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung Chương trình kèm theo Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh, về ban hành Chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh Đăk Nông, giai đoạn 2016 - 2020**

Thực hiện quy định tại Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Theo đề nghị của Sở Lao động, Thương binh & Xã hội tỉnh Đăk Nông tại Công văn số 723/SLĐTBXH-BTXHPCTN về việc đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết về sửa đổi, bổ sung Chương trình kèm theo Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh, về ban hành Chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh Đăk Nông, giai đoạn 2016 – 2020;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ xây dựng Nghị quyết và các văn bản, tài liệu có liên quan, Sở Tư pháp báo cáo kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết nêu trên với nội dung chính như sau:

**1. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo; tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất và sự phù hợp của nội dung dự thảo với các quy định trong văn bản quy phạm pháp luật có liên quan**

Sở Lao động, Thương binh & Xã hội tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung Chương trình kèm theo Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh, về ban hành Chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh Đăk Nông, giai đoạn 2016 – 2020 là phù hợp với thẩm quyền của HĐND được quy định tại Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 và các văn bản có liên quan.

Tuy nhiên, để nội dung dự thảo được hoàn thiện, phù hợp hơn, cơ quan soạn thảo cần nghiên cứu, chỉnh lý các nội dung sau đây:

- Về tên gọi của Nghị quyết: Cần sửa lại tên gọi của Nghị quyết cho phù hợp với nội dung dự kiến bổ sung (*không sửa đổi, chỉ bổ sung thêm chính sách*), như sau:

## NGHỊ QUYẾT

### Về việc bổ sung một số chính sách thuộc Chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh Đăk Nông giai đoạn 2016 - 2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đăk Nông

Theo đó, tiêu đề của Điều 1 cần điều chỉnh lại cho phù hợp, thống nhất.

- Phần căn cứ pháp lý: tại căn cứ thứ 6 thay từ “*Căn cứ*” bằng từ “*Thực hiện*”; bỏ căn cứ thứ 7 và căn cứ thứ 8 cho phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP “*Căn cứ ban hành văn bản là văn bản guy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực hoặc đã được công bố hoặc ký ban hành chưa có hiệu lực nhưng phải có hiệu lực trước hoặc cùng thời điểm với văn bản được ban hành. Căn cứ ban hành văn bản bao gồm văn bản quy phạm pháp luật quy định thẩm quyền, chức năng của cơ quan ban hành văn bản đó và văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn quy định nội dung, cơ sở để ban hành văn bản.*”.

- Đối với nội dung tại khoản 1 Điều 1 dự thảo:

Việc bổ sung 02 chính sách là: *Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo* (tương ứng với Tiểu dự án 3 của Dự án 1: Chương trình 30a) và *Chính sách hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài* (tương ứng với Tiểu dự án 4 của Dự án 1: Chương trình 30a) đã được quy định tại Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 là cần thiết, phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn địa phương (hiện Sở Lao động, Thương binh và Xã hội cũng đang tham mưu dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND để bổ sung tiêu chí, định mức phân bổ vốn liên quan đến nội dung này), nhưng cơ quan soạn thảo cần lưu ý một số điểm sau:

+ Về mục tiêu, đối tượng, nội dung hỗ trợ: đã được quy định cụ thể tại điểm a khoản 6 Điều 1 Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ; do đó, dự thảo không nên quy định lại để tránh chồng chéo,

trùng lặp (lưu ý: đối với 02 chính sách mới bổ sung trên chỉ áp dụng cho 02 huyện là Đăk Glong và Tuy Đức theo quy định tại Quyết định số 275/QĐ-TTg).

+ Tại khoản 1 Điều 1 dự thảo quy định: “*Bổ sung nội dung điểm b, mục 1, Phần III tại Chương trình kèm theo Nghị quyết 56/2016/NQ-HĐND, về Chương trình 30a*” là không chính xác (vì tiêu đề của điểm b này là “*b) Chương trình 30a: Chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng nhằm giảm nghèo nhanh và bền vững tại huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao áp dụng cơ chế theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP*” và nội dung chỉ liên quan đến Tiêu dự án 1 của Dự án 1: Chương trình 30a nên việc bổ sung thêm 02 chính sách (liên quan đến 02 tiêu dự án khác) vào đây là không phù hợp.

Do đó, về mặt bối cảnh nội dung của Điều 1 dự thảo có thể viết lại cho chính xác, phù hợp hơn như sau:

**Điều 1. Bổ sung một số chính sách thuộc Chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh Đăk Nông giai đoạn 2016 - 2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND, như sau:**

**1. Các dự án, chính sách giảm nghèo chung**

a) Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo (Tiêu dự án 3 thuộc Dự án 1: Chương trình 30a)

- Mục tiêu, đối tượng, nội dung hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 1 Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ (Tiêu dự án 3).

- Địa bàn áp dụng: huyện Đăk Glong và huyện Tuy Đức.

- Vốn và nguồn vốn:...

.....

b) Chính sách hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài (Tiêu dự án 4 thuộc Dự án 1: Chương trình 30a)

- Mục tiêu, đối tượng, nội dung hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 1 Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ (Tiêu dự án 4).

- Địa bàn áp dụng: huyện Đăk Glong và huyện Tuy Đức.

- Vốn và nguồn vốn:...

.....

**2. Các chính sách giảm nghèo đặc thù của tỉnh**

a) ....

b) ....

- Đối với nội dung tại khoản 2 Điều 1 dự thảo:

+ Nội dung bổ sung có liên quan đến **chính sách đặc thù** của địa phương, cơ quan soạn thảo **chưa xây dựng Báo cáo đánh giá tác động chính sách theo mẫu số 01 Phụ lục V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP** – đúng theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (không phải là Báo cáo nghiên cứu khả thi).

+ Việc quy định: *bổ sung mục 2, phần III tại Chương trình...*" là chưa chính xác.

+ Tại điểm a khoản 2 Điều 1 dự thảo:

Đề nghị tham khảo chính sách khuyến khích thoát nghèo của các địa phương khác để tham mưu cho phù hợp, tạo động lực mạnh mẽ thúc đẩy người dân quyết tâm thoát nghèo. Việc đưa ra nhiều điều kiện để “thoát nghèo”, vô hình chung, sẽ gây nên cản trở việc “cam kết thoát nghèo”. Chẳng hạn, quy định về “**Có phương án sản xuất kinh doanh để tăng thu nhập, thoát nghèo bền vững**” tại gạch ngang thứ 3 điểm a khoản 2 Điều 1 dự thảo. Bởi vì, khi là hộ nghèo, thì được hưởng rất nhiều chính sách của Trung ương và địa phương, cho nên, việc đề ra chính sách cần được tính toán kỹ để tránh sự phân định so sánh lợi ích và phải phù hợp nguồn lực địa phương.

Đề nghị cơ quan soạn thảo xác định cụ thể chính sách vay vốn, điều kiện áp dụng và thực hiện đối với nội dung quy định “**Hỗ trợ 100% lãi suất vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh tại Ngân hàng Chính sách xã hội đối với hộ mới thoát nghèo**” dành cho đối tượng “**Là hộ nghèo thuộc chính sách giảm nghèo, có đơn tự nguyện đăng ký tham gia và cam kết thoát nghèo bền vững, vượt qua chuẩn cận nghèo tối thiểu 2 năm (từ năm 2019 đến năm 2020) liên tiếp kể từ thời điểm được công nhận thoát nghèo**”.

+ Tại điểm b khoản 2 Điều 1 dự thảo: Về chính sách tăng mức hỗ trợ cải thiện nhà ở cho hộ nghèo theo Quyết định số 1658/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của UBND tỉnh Đăk Nông về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo tiêu chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015, đề nghị xem thêm một số nội dung sau:

\* Các ý kiến góp ý của Sở Tài chính liên quan đến vấn đề này.

\* Cơ sở thực tế của việc mở rộng đối tượng áp dụng là:

Hỗ trợ 10 triệu đồng/hộ cho tất cả các hộ gia đình chưa được thực hiện hỗ trợ xây dựng nhà ở từ các năm trước và có nhu cầu vay vốn làm nhà ở theo chính sách được quy định tại Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg của thủ tướng Chính phủ;

Hỗ trợ 02 triệu đồng/hộ đối với hộ gia đình đang cư trú tại các huyện nghèo theo quy định tại quyết định số 275/QĐ-TTg ngày 07/3/2018 của TTCP hoặc các hộ đang sinh sống tại các vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn.

Vì: 02 đối tượng này không thuộc hộ thoát nghèo như giải trình của cơ quan soạn thảo? Hơn nữa, Quyết định số 1658/QĐ-UBND áp dụng cho hộ nghèo theo tiêu chuẩn giai đoạn 2011-2015, việc áp dụng quyết định này có còn hợp lý hay không?

Tóm lại, đối với việc bổ sung thêm **chính sách giảm nghèo đặc thù của địa phương**, ngoài các vấn đề nêu trên, đề nghị cơ quan soạn thảo lưu ý các vấn đề sau:

+ Rà soát các chính sách liên quan của Trung ương và địa phương để tham mưu cho phù hợp, đảm bảo tính khả thi và tránh trùng lặp (xem kỹ ý kiến của Sở Tài chính; đối chiếu các chính sách hiện hành của địa phương có liên quan như: về hỗ trợ lãi suất cho đồng bào dân tộc thiểu số; hỗ trợ chi phí học tập; hỗ trợ kinh phí mua thẻ BHYT (Sở Tài chính đang trình dự thảo Nghị quyết)...).

+ Cần tổng kết, đánh giá việc thực hiện các **chính sách giảm nghèo đặc thù của địa phương** đã quy định tại Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND (Hiệu quả ra sao? Có gì bất cập cần điều chỉnh?...).

+ Đối với **chính sách đặc thù** dự kiến bổ sung cần đánh giá tác động và phải lấy ý kiến của Bộ ngành Trung ương có liên quan theo quy định.

- Đối với nội dung tại Điều 2 dự thảo:

+ Cần viết lại tên điều thành “**Tổ chức thực hiện**” cho chính xác, phù hợp hơn.

+ Tại khoản 1 cần bỏ đoạn: “Trong quá trình triển khai thực hiện,... giao UBND tỉnh thống nhất với Thường trực HĐND tỉnh quyết định và báo cáo với HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất” cho phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 629/2019/UBTVQH14 ngày 30/01/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn một số hoạt động của HĐND (phải được xem xét, quyết định thông qua kỳ họp bất thường của HĐND).

+ Tại khoản 2 cần bổ sung việc giám sát của Tổ đại biểu HĐND tỉnh cho đầy đủ hơn.

Viết đầy đủ cụm từ “*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đăk Nông Khóa III, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày...tháng...năm 2019 và có hiệu lực từ ngày... tháng... năm 2019./.*”.

## 2. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Cơ quan soạn thảo cần rà soát lại lỗi chính tả cho phù hợp với ngôn ngữ tiếng Việt, đồng thời trình bày văn bản theo đúng quy định tại Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Cụ thể:

### a) Đối với dự thảo Nghị quyết

- Căn cứ được trình bày theo quy định tại Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP “*3. Căn cứ ban hành văn bản được thể hiện bằng chữ in thường, kiểu chữ nghiêng, cỡ chữ 14, trình bày dưới phần tên của văn bản; sau mỗi căn cứ phải xuống dòng, cuối dòng có dấu chấm phẩy (;), dòng cuối cùng kết thúc bằng dấu chấm (.)*.”. Theo đó, căn cứ cuối cùng viết chính xác như sau:

“*Xét Tờ trình số...; Báo cáo thẩm tra...; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*”.

- Đánh số trang văn bản theo đúng quy định tại Điều 76 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP: “*Trang của văn bản được đánh số thứ tự bằng chữ số Ả Rập, cỡ chữ từ 13 đến 14, kiểu chữ đứng, không đánh số trang thứ nhất, được đặt canh giữa theo chiều ngang trong phần lề trên của văn bản. Số trang của phụ lục được đánh số riêng theo từng phụ lục*”.

- Tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết, đối với phần hiệu lực của văn bản cần lưu ý: hiệu lực của văn bản cần phải ghi rõ ngày, tháng, năm có hiệu lực trên cơ sở bảo đảm đủ thời gian để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có điều kiện tiếp cận văn bản, các đối tượng thi hành có điều kiện chuẩn bị thi hành văn bản nhưng **không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày ký ban hành** (theo khoản 1 Điều 151 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Điều 38 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP).

- Tại mục nơi nhận: sửa “*Chi cục lưu trữ*” thành “*Trung tâm LT lịch sử - Sở Nội vụ*” cho chính xác. Đồng thời, thực hiện theo quy định tại Điều 67 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP “*...riêng dòng cuối cùng gồm chữ “Lưu”, sau đó có dấu hai chấm (:), tiếp theo là chữ viết tắt “VT” (văn thư), dấu phẩy, chữ viết tắt tên đơn vị (hoặc bộ phận) soạn thảo văn bản và số lượng bản lưu được đặt*”

trong ngoặc đơn, dấu chấm (.), viết tắt tên người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành, cuối cùng là dấu chấm (.”).

**b) Đối với dự thảo Tờ trình**

Nội dung Tờ trình cần trình bày theo Mẫu số 03 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Bổ sung nơi nhận gửi “Sở Tư pháp” cho đầy đủ.

Thể thức, kỹ thuật trình bày thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính (đánh số trang, phần tham quyền ký...).

**3. Kết luận chung**

Việc tham mưu trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND là đúng thẩm quyền và cần thiết. Tuy nhiên, cơ quan soạn thảo cần nghiên cứu, chỉnh sửa lại dự thảo theo mục 1, 2 của Báo cáo thẩm định này trước khi trình UBND, HĐND tỉnh thông qua theo đúng quy định (trong đó đối với các **chính sách giảm nghèo đặc thù của địa phương** dự kiến bổ sung phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu Luật định).

Trên đây là nội dung Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND, cơ quan soạn thảo cần nghiên cứu thực hiện theo đúng quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở LĐTB&XH (t/h);
- GĐ Sở, các PGĐ;
- VP Sở (đưa lên Website của Sở);
- Lưu: VT, VBPBPL, CV(PT).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Người ký: Sở Tư  
pháp  
Email:  
stp@daknong.gov.  
vn  
Cơ quan: Tỉnh Đăk  
Nông  
Thời gian ký:  
17.05.2019  
13:33:27 +07:00

**Nguyễn Trung Hiếu**



UBND TỈNH ĐẮK NÔNG  
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 828/STC-QLNS

V/v góp ý dự thảo Nghị quyết

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đăk Nông, ngày 17 tháng 04 năm 2019

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Sở Tài chính nhận được đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại: Công văn số 578/LĐTBXH-BTXH&PCTN ngày 03/04/2019 về việc lấy ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của HĐND tỉnh; Công văn số 619/LĐTBXH-BTXH&PCTN ngày 10/04/2019 về việc lấy ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 26/07/2017 của HĐND tỉnh.

Sau khi nghiên cứu, Sở Tài chính cơ bản thống nhất với nội dung các Dự thảo Nghị quyết do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì soạn thảo. Tuy nhiên, để việc ban hành chính sách trên địa bàn tỉnh được thống nhất và đồng bộ, Sở Tài chính có ý kiến như sau:

#### I. Góp ý sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của HĐND tỉnh

1. Đối với các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của HĐND tỉnh. Sở Tài chính đề nghị đơn vị soạn thảo nghiên cứu lại việc không đề nghị cơ quan có thẩm quyền ban hành thêm chính sách vào Nghị quyết như sau:

- Đối với chính sách “*Hỗ trợ 100% mệnh giá mua thẻ bảo hiểm y tế theo loại hình bảo hiểm y tế tự nguyện trong thời gian 36 tháng*”: Hiện nay, cơ quan bảo hiểm xã hội chưa thống kê được số lượng hộ nghèo thoát nghèo nên chưa dự báo được nguồn ngân sách địa phương phải đảm bảo cho chính sách này; mặt khác, Sở Tài chính đang trình dự thảo Nghị quyết quy định hỗ trợ kinh phí mua thẻ BHYT cho các đối tượng chính sách trên địa bàn tỉnh, vì vậy để tránh trùng lặp về đối tượng thụ hưởng và để đảm bảo công bằng cho một số nhóm đối tượng khác có nguyện vọng được hỗ trợ mua BHYT nhưng không được hỗ trợ, đề nghị cơ quan soạn thảo không quy định nội dung này trong Dự thảo.

- Đối với chính sách “*Hỗ trợ chi phí học tập... Các chính sách hỗ trợ giáo dục được thực hiện trong 03 năm học liên tục sau khi hộ thoát nghèo*”: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh đang triển khai thực hiện các chính sách về hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em, học sinh, sinh viên, học viên tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Nghị định số 145/2018/NĐ-CP ngày 16/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ; Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg, ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số tại các cơ sở giáo dục đại học; Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 06/9/2016 của HĐND tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tỉnh Đăk Nông từ năm học 2020-2021; Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn. Do đó, để tránh trùng lặp nội dung chính sách giữa Trung ương và địa phương, đề nghị cơ quan soạn thảo không quy định nội dung này.

- Đối với nội dung chính sách “*Hỗ trợ 100% lãi suất vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh tại ngân hàng chính sách xã hội đối với hộ mới thoát nghèo, thời gian hỗ trợ lãi suất 36 tháng*”: Liên quan đến nội dung hỗ trợ lãi suất thì hiện nay trên địa bàn tỉnh đang thực hiện chính sách “*Hỗ trợ lãi suất đối với hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ trên địa bàn tỉnh Đăk Nông giai đoạn 2015-2020*” được quy định tại Nghị quyết số 43/2014/NQ-HĐND ngày 18/12/2014 của HĐND tỉnh. Để đảm bảo công bằng và thống nhất trong việc hỗ trợ, đề nghị cơ quan soạn thảo không ban hành bổ sung chính sách này.

Trường hợp để khuyến khích, động viên kịp thời hộ mới thoát nghèo nêu gương điển hình và phong trào thoát nghèo, đảm bảo giảm nghèo bền vững. Sở Tài chính đề nghị cơ quan soạn thảo báo cáo UBND tỉnh giao các đơn vị đã và đang tham mưu UBND tỉnh ban hành chính sách nêu trên, nghiên cứu bổ sung vào các Nghị quyết đang thực hiện để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong việc triển khai thực hiện các chính sách trên địa bàn tỉnh.

2. Về nội dung “*Chính sách tăng mức hỗ trợ cải thiện nhà ở cho hộ nghèo theo Quyết định số 1658/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của UBND tỉnh Đăk Nông về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo tiêu chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015*”:

- Về tên chính sách: Đề nghị điều chỉnh tên chính sách như sau cho phù hợp, cụ thể “*Chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 trên địa bàn tỉnh Đăk Nông*”.

- Về đối tượng hỗ trợ: Quyết định số 1658/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của UBND tỉnh chỉ quy định hỗ trợ từ ngân sách tỉnh cho 2 nhóm đối tượng là “*Hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật)*” và “*Hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số*”, do đó đề nghị nêu rõ 2 nhóm đối tượng được áp dụng này trong nội dung Dự thảo.

3. Ngày 17/10/2018, Chính phủ ban hành Nghị định số 146/2018/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế. Đề nghị đơn vị nghiên cứu lại đối tượng quy định tại Điểm b, Khoản 2, Mục I, Phần thứ ba của Chương trình ban hành kèm theo Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của HĐND tỉnh để tránh sự trùng lặp,

chồng chéo đối tượng và chính sách của Trung ương ban hành tại Nghị định số 146/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

**II. Góp ý đối với Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 26/07/2017 của HĐND tỉnh**

Hiện nay, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện Đăk Glong đang gặp vuông mắc trong việc triển khai thực hiện Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo (Tiêu dự án 3, Dự án 1 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020) trên địa bàn các huyện thuộc Chương trình 30a, nguyên nhân do HĐND tỉnh chưa quy định mức hỗ trợ cho trường hợp này. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, xây dựng bổ sung định mức hỗ trợ cho Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các huyện thuộc Chương trình 30a vào Dự thảo Nghị quyết.

Trên đây là ý kiến góp ý của Sở Tài chính, đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nghiên cứu, xem xét cân nhắc các ý kiến góp ý để hoàn chỉnh các Dự thảo theo trình tự quy định./*mav*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở NN&PTNT (đ/biết);
- UBND huyện Đăk Glong (đ/biết)
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, QLNS (V).

**GIÁM ĐỐC**

Người ký: Sở  
Tài chính  
Email:  
stc@daknong.  
gov.vn  
Cơ quan: Tỉnh  
Đăk Nông  
Thời gian ký:  
18.04.2019  
16:52:51  
+07:00

*natacl* →  
*Nguyễn Văn Bi*

